

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN KBANG**

Số: 1018/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kbang, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất Công nghiệp – Giao thông vận tải,  
phát triển Doanh nghiệp và Hợp tác xã năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Căn cứ Công văn số 2941/KHĐT- TH ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc thông báo các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Kbang về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2020, mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp năm 2021;

Theo đề nghị của phòng Tài chính – KH Huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất Công nghiệp – Giao thông vận tải, phát triển Doanh nghiệp và Hợp tác xã năm 2021 cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện (chi tiết có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND - UBND Huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - KH, Kinh tế và Hạ tầng Huyện; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT Huyện uỷ, HĐND (báo cáo);
- TT UBND Huyện;
- Lưu VT - TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**



**Nguyễn Văn Dũng**



**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Kbang)

| STT | Chỉ Tiêu                                               | ĐVT          | Kế hoạch 2021 | Đơn vị chủ trì, tổ chức thực hiện                                      |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------|---------------|------------------------------------------------------------------------|
| A   | <b>Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010)</b> | Tỷ đồng      | 483,488       | Chi cục thống kê huyện                                                 |
| B   | <b>VẬN TẢI</b>                                         |              |               | Phòng Kinh tế và Hạ tầng                                               |
| I   | <b>Vận tải hàng hoá</b>                                |              |               |                                                                        |
| 1   | Khối lượng vận chuyển                                  | 1.000 Tấn    | 558,23        |                                                                        |
| 2   | Khối lượng luân chuyển                                 | 1.000 T.Km   | 100.850,05    |                                                                        |
| II  | <b>Vận tải hành khách</b>                              |              |               |                                                                        |
| 1   | Khối lượng vận chuyển                                  | 1.000 HK     | 413,61        |                                                                        |
| 2   | Khối lượng luân chuyển                                 | 1.000 HK/Km  | 156.416,78    |                                                                        |
| C   | <b>Phát triển Doanh nghiệp, HTX</b>                    |              |               |                                                                        |
| 1   | Phát triển Doanh nghiệp mới                            | Doanh nghiệp | 12            | Phòng Tài chính – KH, Ban chỉ đạo HTPT Doanh nghiệp trên địa bàn huyện |

*Chu*